

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày 24-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2018/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc T: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; cư trú tại: Số 18, đường V, tổ 7, khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền của bà T (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2018), vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967, vắng mặt;

Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1970, có mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do có quan hệ họ hàng, bà Nguyễn Thanh T2 là chị của chồng bà Trần Thị Ngọc T nên có cho bà T2, ông T1 vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 215.000.000 đồng, các lần vay bà T chỉ ghi sổ của mình để tự theo dõi mà không làm giấy nợ với ông T1, bà T2 vì ông T1, bà T2 chỉ vay trong thời gian ngắn để lấy vốn làm ăn nên không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 05/12/2017, bà T2 có ký xác nhận với bà T số nợ 215.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả đến cuối tháng 01/2018, nhưng từ đó đến nay ông T1, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà T yêu cầu ông T1 và bà T2 trả cho bà số tiền 215.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/12/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thanh T2 trình bày:

Vào năm 2017 bà Nguyễn Thanh T2 và ông Nguyễn Văn T1 có vay tiền của bà T nhiều lần, thời gian vay bà không nhớ cụ thể, mỗi lần vay đều không làm giấy nợ do hai bên có quan hệ họ hàng, bà T2 là chị của chồng bà T. Mỗi lần vay khoảng từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc là 131.000.000 đồng. Mục đích vay của ông bà là để lấy vốn trồng hàng bông.

Khi vay hai bên thỏa thuận miệng về tiền lãi là 3000 đồng/1.000.000 đồng /1 tháng. Bà T2, ông T1 trả tiền lãi cho bà T được khoảng hơn 11.000.000 đồng. Vào thời gian trước tháng 11/2017 giữa bà và bà T có nói miệng chốt lại số nợ tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 260.000.000 đồng, sau đó đến khoảng tháng 11/2017 bà có trả được cho bà T 45.000.000 đồng, còn lại 215.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì về việc trả tiền vì khi trả tiền bà chỉ giao tận tay bà T chứ không có ký nhận giấy tờ. Đến khi bà và ông T1 không có khả năng trả tiền lãi nữa do trồng hàng bông bị thất mùa nên ngày 05/12/2017 bà T có yêu cầu bà ký tên xác nhận lại số nợ 215.000.000 đồng vào “Giấy mượn tiền” do bà T viết nhưng trong đó có cả tiền gốc và tiền lãi. Bà thừa nhận có chốt giấy nợ với bà T số tiền 215.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ có 131.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi nên bà chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng ý trả cho bà T 131.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền còn lại và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T tính từ ngày 05/12/2017 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thanh T2.

Ông chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết, đồng ý cùng bà T2 trả cho bà Tsố tiền nợ gốc 131.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền còn lại và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà Ttính từ ngày 05/12/2017 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trước khi xét xử có gửi văn bản ngày 22/8/2018 chỉ yêu cầu ông T1 bà T2 trả phần tiền nợ vay gốc 215.000.000 đồng không yêu cầu tính tiền lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thanh T2 trình bày đồng ý cùng ông T1 trả cho bà Tsố tiền nợ gốc 131.000.000 đồng, không đồng ý trả 215.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ nào chứng minh lời trình bày của mình.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ, các tài liệu chứng cứ đã được hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ để chấp nhận.

+ Về kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và ông Nam.

[2] Các bên phát sinh tranh chấp vào tháng 12/2017 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Chứng cứ bà Trần Thị Ngọc T cung cấp là “*giấy mượn tiền*” bản chính ngày 05/12/2017 số nợ 215.000.000 đồng có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thanh T2 và được các bên thừa nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Xác định số nợ gốc của bà T2, ông T1 là 215.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thanh T2 và ông Nguyễn Văn T1 trình bày chỉ nợ bà T131.000.000 đồng còn lại là tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Mặc dù ông Nguyễn Văn T1 không ký trong giấy nợ tuy nhiên ông và bà T2 là vợ chồng, số nợ phát sinh trong thời gian chung sống và trong quá trình giải quyết ông T1 đồng ý cùng bà T2 trả số nợ là 131.000.000 đồng. Do đó căn cứ **Điều 288, 463, 466, 468, 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình** cần buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc T tiền gốc là 215.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T1 và bà T2 phải chịu 215.000.000 đồng x 5% = 10.750.000 đồng án phí đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466, 468, 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc T số tiền nợ gốc 215.000.000 (hai trăm mười lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thanh T2 không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 và bà T2 phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thanh T2 phải chịu 10.750.000 (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Trần Thị Ngọc T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc T 5.375.000 (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005119 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.A.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An